

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2026
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quốc Tuấn

Ông Bùi Mạnh Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 258/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Minh B**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: B92 ấp V, xã M, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: K2Ô, xã Th, tỉnh Tây Ninh.

(Bà T vắng mặt không lý do, ông B có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2025 và các lời trình bày của ông Võ Minh B có nội dung:

Năm 2003, ông B quen biết và kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Th, tỉnh Long An. Ông và bà T chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện bà T và ông B không còn chung sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: bà T và ông B có 02 con chung tên Võ Minh H sinh ngày 18/02/2005 và Võ Ngọc N sinh ngày 29/10/2007. Do các con chung đã trưởng thành nên ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T thống nhất với lời trình bày của ông Võ Minh B về thời gian kết hôn, về con chung của vợ chồng. Bà T thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông B sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác và đã có 01 con chung. Bà nhận thấy giữa bà và ông B vẫn có thể hàn gắn tình cảm nên bà không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp hàn gắn gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: ông B và bà T có 02 con chung đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do ông B và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Võ Minh B khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T có địa chỉ cư trú tại xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là ông Võ Minh B, Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập các đương sự đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T không chấp hành. Riêng ông B đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ Minh B tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông B đã chung sống với người phụ nữ khác và đã có 01 con chung. Ông B thừa nhận là ông đã sống chung với người phụ nữ khác và đã có con chung, vì vậy đây chính là lý do không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý cho ông B được ly hôn với bà T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà T và ông B có 02 con chung tên Võ Minh H sinh ngày 18/02/2005 và Võ Ngọc N sinh ngày 29/10/2007. Do các con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Minh B, cho ông Võ Minh B ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Võ Minh B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0012594 ngày 18/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Tây Ninh thành án phí dân sự sơ thẩm, ông B đã nộp xong.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND cùng cấp;
- THA cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh